

Số: 98/ITr-THCSMA

Pa Ham, ngày 8 tháng 9 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc phê duyệt học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định
66/2025/NĐ-CP, năm học 2025-2026**

Kính gửi: - UBND xã Pa Ham
- Phòng VH-XH xã Pa Ham

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Căn cứ Quyết định số 81/QĐ-THCSMA ngày 6 tháng 9 năm 2025 của trường THCS Mường Anh về việc thành lập các Hội đồng xét duyệt chính sách hỗ trợ học sinh theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP năm học 20245-2026;

Căn cứ biên bản xét duyệt số 97 /BB-THCSMA ngày 8 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng xét duyệt chính sách hỗ trợ học sinh theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP trường THCS Mường Anh.

Đối chiếu với các quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách, trường THCS Mường Anh có:

- Tổng số học sinh được xét duyệt là học sinh bán trú: 134 học sinh;
- Tổng số học sinh được xét duyệt là học sinh bán trú được hỗ trợ tiền nhà ở (đối với trường hợp học sinh phải tự lo chỗ ở): 0 học sinh;
- Tổng số học sinh được xét duyệt hỗ trợ gạo: 134 học sinh.

Trên đây là nội dung tờ trình của Hội đồng xét duyệt học sinh bán trú trường THCS Mường Anh kính đề nghị Phòng VH-XH tổng hợp tham mưu UBND xã ban hành quyết định phê duyệt. Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Nhà trường

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Học Chúc

UBND XÃ PA HAM
TRƯỜNG THCS MUÔNG ANH

DANH SÁCH HỌC SINH ĐỀ NGHỊ HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỌC SINH BÁN TRÚ

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tiền ở được hỗ trợ/tháng	Gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm	Tổng số tiền ở được hỗ trợ/năm	Tổng số gạo được hỗ trợ/năm (kg)	Số HS hưởng chế độ theo Nghị quyết 55 (ghi số 1) vào cột này
		Ngày	Tháng	Năm								
1	Hồ Thị Chi	27	2	2014	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
2	Giàng A Công	12	10	2014	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
3	Hồ Thị Ngọc Duyên	25	1	2014	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
4	Thào Thị Dương	14	3	2014	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
5	Thào Thị Gù	29	6	2014	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
6	Vừ Thị Mai Hoa	14	3	2014	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
7	Giàng Thị Hua	24	4	2014	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
8	Hồ A Minh	7	12	2014	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
9	Giàng Thị Nhánh	4	6	2014	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
10	Vừ Thị Phua	13	7	2013	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
11	Sùng Thị Ngọc Quang	26	2	2014	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
12	Sùng A Quân	30	11	2014	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
13	Thào Thị Sinh	20	7	2014	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
14	Giàng A Sơn	5	9	2014	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
15	Hồ Thị Sùng	12	7	2014	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
16	Vừ A Thang	13	11	2014	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
17	Lầu A Thành	12	3	2014	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
18	Thào A Trẻ	20	11	2014	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
19	Lầu Thị Y	16	5	2014	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
20	Thào Tuấn Anh	11	11	2014	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
21	Thào Thị Bầu	22	10	2014	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	



22	Giảng A Chương	14	10	2014	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
23	Giảng A Công	9	1	2014	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
24	Giảng Thị Công	24	10	2014	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
25	Sùng Thị Đề	14	9	2014	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
26	Vừ Thị Gầu	28	2	2014	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
27	Vừ A Huy	19	10	2014	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
28	Giảng Thị Ia	3	9	2014	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
29	Hờ Thị Hoài Nhi	7	9	2014	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
30	Hờ Thị Phương	1	11	2014	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
31	Lý A Quân	6	3	2014	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
32	Vừ A Sia	27	1	2014	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
33	Giảng Thị Súa	19	5	2014	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
34	Vừ A Thái	29	1	2014	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
35	Thào A Thanh	16	9	2014	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
36	Vừ Thị Thảo	22	11	2014	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
37	Giảng A Va	23	7	2014	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
38	Vàng Thị Xiên	27	9	2014	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
39	Giảng A Xuân	6	10	2014	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
40	Giảng Thị Anh	10	02	2013	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
41	Hờ Phương Anh	13	06	2013	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
42	Vừ Thị Bắp	26	09	2013	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
43	Thào Thị Bích	03	05	2013	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
44	Vừ A Chia	13	02	2013	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
45	Thào Thị Mai Dừa	28	08	2013	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
46	Lầu A Đông	29	12	2013	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
47	Lầu Thị Đơ	26	02	2013	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
48	Thào Thị Hoa	2	09	2013	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	

49	Giàng A Hồ	2	06	2013	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
50	Phạm Khanh Hưng	25	11	2013	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
51	Hồ Thị Thanh Nguyệt	29	03	2013	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
52	Giàng A Phình	11	05	2013	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
53	Giàng Thị Phương	22	07	2013	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
54	Lầu Như Quyền	21	09	2013	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
55	Vàng Thị Sánh	20	07	2013	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
56	Hạng A Trù	23	07	2013	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
57	Thào Tâm Trường	15	09	2013	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
58	Sùng Thị Xinh	5	07	2013	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
59	Thào A Xinh	25	09	2013	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
60	Giàng A Bi	12	08	1013	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
61	Hồ Thị Chia	10	07	2013	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
62	Vừ A Cơ	30	09	2013	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
63	Sùng A Đình	24	11	2011	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
64	Vừ Thị Dung	01	06	2013	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
65	Vừ A Dũng	05	11	2013	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
66	Hồ Thị Gống	13	08	2013	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
67	Hồ Thị Ké	07	08	2013	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
68	Giàng Thị Kia	23	08	2013	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
69	Lý Thị Mai	17	04	2013	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
70	Hồ Thị Hòa Mi	14	04	2013	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
71	Thào A Nguyễn	30	10	2013	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
72	Sùng A Phong	06	04	2013	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
73	Giàng Thị Phua	15	04	2013	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
74	Giàng Chính Quy	29	08	2013	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
75	Giàng A Sinh	04	03	2012	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	

76	Giảng Thị Sung	18	09	2013	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
77	Ly A Trường	12	07	2013	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
78	Thào Pê Tu	27	03	2013	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
79	Thào A Ty	22	09	2012	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
80	Giảng Thị Vi	26	10	2013	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
81	Giảng A Chu	4	9	2012	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
82	Sùng Thanh Danh	30	7	2012	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
83	Sùng Thị Hoa	7	8	2012	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
84	Thào A Khanh	23	7	2012	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
85	Vàng Thị Mai Lan	21	2	2012	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
86	Giảng A Long	1	12	2012	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
87	Vừ Thị Mai	11	10	2012	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
88	Giảng A Nghé	1	8	2012	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
89	Giảng Thị Phụng	1	11	2012	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
90	Lý A Sơn	5	4	2012	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
91	Hồ A Thái	3	9	2012	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
92	Giảng Thị Thu	4	7	2012	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
93	Vàng Thị Bóc	03	08	22011	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
94	Giảng Thị Bông	08	08	2012	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
95	Hồ Thị Ca	08	11	2012	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
96	Lầu Thị Chua	29	02	2012	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
97	Thào A Chung	11	07	2012	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
98	Sùng A Cường	29	10	2012	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
99	Hồ Thị Dũ	11	10	2012	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
100	Giảng Thị Dưa	01	03	2012	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
101	Giảng A Mong	18	06	2012	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
102	Thào A Ninh	08	09	2012	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	

103	Sùng A Phua	09	12	2012	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
104	Thao A Thăm	18	12	2012	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
105	Giăng A Tiên	12	07	2012	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
106	Hồ Thị Xe	27	03	2012	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
107	Thào A Cấn	12	06	2011	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
108	Phạm Minh Hiếu	29	03	2011	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
109	Giăng Đức Minh	21	06	2011	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
110	Sùng Thị Phụng	17	07	2011	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
111	Giăng Thị Sinh	28	01	2011	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
112	Vừ Thị Thủy	26	01	2011	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
113	Giăng Minh Vương	20	10	2011	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
114	Giăng Thị Bóc	25	1	2011	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
115	Thào Thị Cu	8	5	2011	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
116	Vừ Xuân Hào	9	10	2011	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
117	Thào A Huy	28	10	2011	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
118	Hồ A Mai	27	8	2011	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
119	Thào A Mạnh	9	1	2011	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
120	Giăng A Minh	1	1	2011	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
121	Thào A Mùa	12	3	2011	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
122	Vừ Thị Gấu Nà	16	3	2011	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
123	Vừ A Phênh	12	4	2011	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
124	Hồ Thị Mai Phương	30	5	2011	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
125	Thào Thị Sơ	6	10	2011	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
126	Vừ A Súa	18	9	2011	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
127	Vừ A Thanh	12	9	2011	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
128	Hồ A Thư	17	2	2011	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
129	Thào Quang Tinh	12	11	2011	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
130	Giăng A Tinh	26	12	2011	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	

131	Vũ Thị Tịnh	12	12	2011	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
132	Thào Thị Tâm Tuê	23	6	2011	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
133	Lý Trường Giang	30	5	2014	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
134	Thào Thị Vi	03	7	2014	936.000	0	15	9	8.424.000	0	135	
	Tổng cộng								1.128.816.000		18.090	

Pa Ham, ngày 08 tháng 9 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên/đóng dấu)



Nguyễn Học Chúc